

Thứ tư, ngày 17 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/06/2020		•	
Tuần 15/6-19/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau hai phiên biến động mạnh, thị trường đang có dấu hiệu bình ổn lại. VN-Index dao động với biên độ thấp quanh ngưỡng 855 điểm trong cả phiên giao dịch. Dòng tiền thị trường suy yếu khi chỉ có 7/19 nhóm ngành tăng điểm. Tuy nhiên, khối ngoại vẫn tiếp tục xu hướng mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Điều này đã góp phần hạn chế đà giảm của VN-Index. Thanh khoản thị trường suy giảm, biên độ dao động thu hẹp và độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy tâm lý cẩn trọng của các nhà đầu tư. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể là do nhiều nhà đầu tư dự đoán VN-Index sẽ có biến động mạnh trong hai phiên cuối tuần khi HĐTL VN30 tháng 06 đáo hạn vào thứ 5 và ETF kết thúc cơ cấu danh mục vào thứ 6.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Lãi suất giảm_2.5%**

Phân tích kỹ thuật: MSH_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.69** điểm, đóng cửa **854.44** điểm. HNX-Index **-2.22** điểm, đóng cửa **113.27** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.05); PLX (+0.54); VCB (+0.53); VRE (+0.50); VJC (+0.33).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.45); VNM (-0.70); BID (-0.46); GVR (-0.40); TCB (-0.30).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,612** tỷ đồng, giảm **-14.6%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.07 điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường có **147** mã tăng, **70** mã tham chiếu và **220** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **98.78** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **PLX (54.0 tỷ), VHM(50.6 tỷ) và VRE (36.5 tỷ).** Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.38** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **854.44**

Giá trị: 3612.36 tỷ

-1.69 (-0.2%)

Khối ngoại (ròng): 56.38 tỷ

HNX-INDEX **113.27**

Giá trị: 623.32 tỷ

-2.22 (-1.92%)

Khối ngoại (ròng): -5.9 tỷ

UPCOM-INDEX **55.88**

Giá trị: 0.18 tỷ

-0.2 (-0.36%)

Khối ngoại(ròng): 58.29 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	38.2	-0.42%
Giá vàng	1,719	-0.43%
Tỷ giá USD/VND	23,208	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	26,147	-0.59%
Tỷ giá JPY/VND	21,616	-0.05%
LS liên NH 1 tháng	0.8%	12.57%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-1.40%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	53.8	VCB	13.6
VNM	50.6	DBC	10.1
VRE	36.5	MSN	9.8
FUEFVND	30.3	HBC	9.8
HPG	12.2	GAS	7.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
17/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Lãi suất giảm_2.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Lãi suất giảm	2.5%	0.6%	4.1%	48.5%	-2.0%	-2.0%	19.5%
Hàng tiêu dùng	1.6%	-0.9%	-1.0%	46.8%	-5.3%	-5.3%	19.9%
Chiến tranh thương mại	1.4%	0.4%	2.5%	45.6%	-7.8%	-7.8%	18.6%
Vật liệu Xây dựng	1.2%	0.8%	0.0%	45.1%	-1.7%	-1.7%	20.8%
Stay-at-home	1.0%	-1.0%	0.4%	39.0%	0.8%	0.8%	17.7%
Dầu khí	0.8%	-1.4%	3.1%	44.5%	-21.9%	-21.9%	25.3%
Nước & Năng lượng	0.7%	0.5%	0.1%	28.6%	-8.8%	-8.8%	16.9%
Corona Avengers	0.4%	-1.1%	2.3%	50.9%	-0.6%	-0.6%	22.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	-0.4%	0.1%	34.2%	4.4%	4.4%	15.8%
BDS & Khu công nghiệp	0.2%	0.7%	4.3%	33.4%	-7.5%	-7.5%	17.9%
FTSE Việt Nam	-0.1%	-0.1%	-1.5%	26.8%	-9.3%	-9.3%	17.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.2%	-2.0%	-3.2%	36.6%	-12.7%	-12.7%	21.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	-0.6%	-2.1%	27.7%	-10.2%	-10.2%	16.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	-1.6%	5.4%	43.5%	-2.7%	-2.7%	22.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.4%	-0.8%	-1.9%	29.7%	-10.6%	-10.6%	18.1%
Xây dựng	-0.4%	-2.4%	0.8%	39.5%	-4.3%	-4.3%	19.1%
Ngành Dược	-0.5%	-1.0%	-1.9%	15.5%	-7.5%	-7.5%	18.1%
Ngân Hàng	-0.5%	-2.7%	0.6%	32.9%	-4.5%	-4.5%	23.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.6%	-1.8%	-0.4%	32.8%	-11.7%	-11.7%	19.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.6%	-2.2%	-0.8%	30.2%	-14.1%	-14.1%	16.8%
VN FinSelect	-0.7%	-2.0%	1.0%	34.8%	-5.7%	-5.7%	20.0%
VN Diamond	-0.7%	-2.1%	-2.4%	30.6%	-14.0%	-14.0%	19.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.7%	-2.1%	1.1%	36.1%	-5.8%	-5.8%	21.5%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.7%	-0.8%	-1.2%	6.2%	6.2%	6.2%	25.9%
Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	0.6%	-0.6%	1.6%	31.4%	-8.9%	-8.9%	17.6%
S11	0.5%	-1.5%	1.3%	27.7%	-2.4%	-2.4%	19.0%
M22	0.1%	-1.0%	-0.5%	37.2%	-3.6%	-3.6%	19.0%
M12	0.1%	-1.5%	-1.4%	29.7%	-7.4%	-7.4%	20.0%
S21	0.0%	-1.7%	-1.9%	34.8%	-8.8%	-8.8%	20.1%
L32	-0.4%	-0.9%	1.3%	51.0%	-8.5%	-8.5%	21.2%
M31	-0.4%	-1.7%	0.4%	34.4%	-8.3%	-8.3%	21.3%
S32	-0.4%	-1.9%	-1.5%	43.3%	-15.9%	-15.9%	22.5%
L22	-0.4%	-1.6%	-0.7%	39.4%	-8.6%	-8.6%	20.0%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.4%	-0.6%	1.5%	37.7%	-0.8%	-0.8%	17.6%
LOW1	-0.3%	-1.6%	-0.4%	27.5%	-5.9%	-5.9%	17.2%
HIGH3	-0.5%	-1.4%	-2.2%	36.4%	-2.8%	-2.8%	19.3%
INDEX							
VNINDEX	-0.2%	-1.1%	-1.2%	29.0%	-11.1%	-11.1%	17.0%
VN30INDEX	-0.3%	-1.4%	-1.2%	30.4%	-9.4%	-9.4%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	11	13	13	11	17	7
Mục tiêu	9	5	4	3	6	6	3
Rủi ro	3	1	2	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

MSH_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: MSH đang hình hành nhịp hồi phục sau khi chạm lại ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 32.3. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD vẫn đang cho thấy dấu hiệu điều chỉnh trong khi chỉ báo RSI đang cho thấy nhịp hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã quay lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đang thành hình. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh vùng giá 34-35 và có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng kháng cự 40-42 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 32.3.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.48	-2.34%	-5.40%	27.00%	-29.35%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.27	-1.68%	-3.50%	14.90%	-36.14%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	117.79	-2.44%	-2.60%	19.70%	-29.61%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1723.94	-0.15%	-0.80%	-0.50%	24.55%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.36	-0.54%	-4.10%	2.30%	14.64%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	871.00	-0.23%	-0.70%	3.00%	-8.63%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	500.50	-0.15%	-2.20%	-0.50%	-11.57%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.65	0.05%	1.50%	22.60%	23.65%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	145.51	-0.89%	-4.30%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.28	1.24%	1.00%	16.30%	-12.10%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	95.60	-0.31%	-4.10%	-11.40%	-14.03%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5728.50	0.37%	-0.80%	10.10%	-3.71%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	504.23	-0.53%	-1.20%	2.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1597.50	1.30%	-0.50%	8.30%	-10.30%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	108.23	-1.17%	0.10%	12.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.85	-1.40%	-2.10%	-2.70%	-31.32%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 1.24 USD hay 3.1% lên 40.96 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.26 USD hay 3.4% lên 38.38 USD/thùng.
- Doanh số bán lẻ tháng 5 tăng kỷ lục do hy vọng kinh tế sau đại dịch phục hồi nhanh chóng, đồng thời hy vọng vào một loại thuốc chữa Covid-19, hỗ trợ đa tăng của TTCK Mỹ. Trong báo cáo hàng tháng, IEA dự báo nhu cầu dầu ở mức 91.7 triệu thùng/ngày trong năm 2020, tăng 500,000 thùng/ngày so với ước tính trong báo cáo hồi tháng trước đó. Tuy nhiên, cơ quan này cho biết sự sụt đi lại trong ngành hàng không vì sự bùng phát virus nghĩa là thế giới sẽ không trở lại mức nhu cầu trước đại dịch trước năm 2022.
- IEA cho biết sản lượng dầu thế giới trong tháng 5 giảm gần 12 triệu thùng/ngày, trong đó OPEC+ giảm sản lượng 9,4 triệu thùng/ngày, điều đó có nghĩa OPEC+ tuân thủ 89% với thỏa thuận giảm sản lượng trong tháng này.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.09% lên 1,726.17 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 0.5% lên 1,736.5 USD/ounce. Vàng tăng trong phiên do những lo ngại về sự bùng phát virus corona mới tại Trung Quốc lần 2 áp lực từ sự gia tăng ở Phố Wall bởi sự gia tăng kỷ lục trong doanh số bán lẻ của Mỹ và lạc quan đối với thuốc chống Covid-19.
- Giá vàng tăng sau khi Bắc Kinh bắt ngờ thắt chặt các biện pháp, đóng cửa trường học và khuyến mọi người không rời khỏi thành phố này trừ khi cần thiết.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1% lên 781 CNY (110.37 USD)/tấn. Quặng sắt trên sàn giao dịch Singapore tăng 2.3% lên 102.79 USD/tấn. Sản lượng thép thanh hàng tuần của 137 nhà sản xuất thép Trung Quốc đạt 3.99 triệu tấn trong tuần từ 4-10/6, theo khảo sát của Mysteel, mức hàng tuần cao nhất kể từ đầu năm 2015. Sản lượng thép thô của Trung Quốc tăng 8,5% so với một tháng trước lên kỷ lục 92.4 triệu tấn trong tháng 5 trong bối cảnh xây dựng bùng nổ bởi các chương trình phục hồi nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng bởi virus corona. Nhu cầu quặng sắt mạnh của các nhà máy thép đã giảm tồn kho nguyên liệu này, xuống 107.75 triệu tấn trong tuần trước, mức thấp nhất kể từ tháng 10/2016, số liệu từ SteelHome.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.1%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 0.1%.

Giá cao su

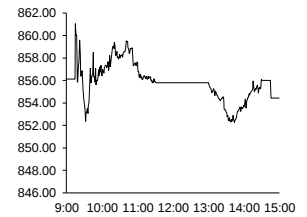
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM tăng 3.3 JPY hay 2.1% lên 157.6 JPY/kg. Đồng thời, giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.3% lên 10,335 JPY/tấn. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng lần đầu tiên trong 4 ngày, do khởi đầu chính thức của chương trình mua trái phiếu doanh nghiệp từ Cục dự trữ liên bang Mỹ đã làm giảm bớt lo ngại xung quanh sự phục hồi ca nhiễm virus corona mới.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE tăng 0.15 US cent hay 1.2% lên 12.19 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London tăng 6.1 USD hay 1.6% lên 389.9 USD/tấn. Giá đường đang hướng tới xu hướng tăng, khi Brazil đã bán gần hết sản lượng của họ, nhưng cảnh báo sự gia tăng sẽ bị hạn chế do sản lượng tăng tại Brazil và Ấn Độ trong năm nay và tăng trưởng tiêu thụ rất ít.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 giảm 0.35 US cent hay 0.4% xuống 93.65 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 17 USD hay 1,5% xuống 1,148 USD/tấn. Các đại lý cho biết triển vọng giá vẫn tiêu cực khi vụ thu hoạch tại Brazil đang tiến triển tốt và thời tiết thuận lợi ở Trung Mỹ cũng như ở Việt Nam và Indonesia có thể thúc đẩy triển vọng sản lượng.
- Dự trữ cà phê tại Mỹ tăng tháng thứ 2 liên tiếp. Sự gia tăng này diễn ra khi hầu hết các quán cà phê của Mỹ đang hoạt động ở tình trạng rất hạn chế hay bị đóng cửa hoàn toàn do phong tỏa.

Hình 1

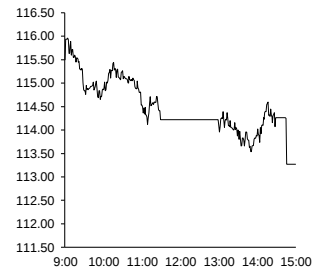
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

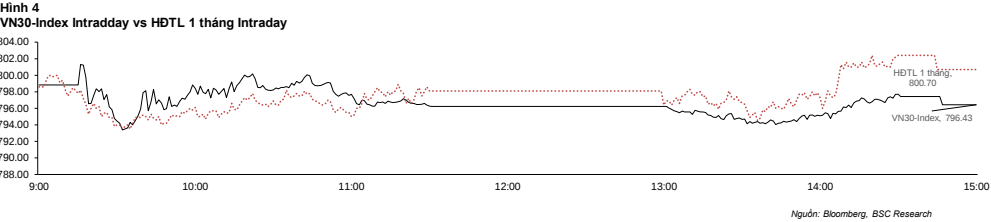
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-2.71%
Bảo hiểm	-1.98%
Hóa chất	-1.81%
Ô tô và phụ tùng	-0.99%
Ngân hàng	-0.64%
Thực phẩm và đồ uống	-0.52%
Bán lẻ	-0.51%
Công nghệ Thông tin	-0.39%
Dịch vụ tài chính	-0.24%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.19%
Xây dựng và Vật liệu	-0.05%
Bất động sản	-0.01%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.07%
Y tế	0.12%
Truyền thông	0.12%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.23%
Tài nguyên Cơ bản	0.75%
Du lịch và Giải trí	0.84%
Dầu khí	2.76%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2006	800.70	0.34%	4.27	-16.9%	176,293	6/18/2020	3
VN30F2007	788.00	0.33%	-8.43	17.7%	11,417	7/16/2020	31
VN30F2009	781.00	0.50%	-15.43	-59.6%	116	9/17/2020	94
VN30F2012	775.20	0.04%	-21.23	21.2%	103	12/17/2020	185

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -2.39 điểm xuống mức 796.43 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VIC, TCB, STB, và HDB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co trong vùng giá 795-800 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh vùng giá 780-800 điểm trong những phiên tiếp theo. Tuy vậy, cần cân nhắc những biến động mạnh trong phiên đáo hạn của VN30F2006 vào ngày mai.

- Các HDTL đều tăng trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE2003	KIS	12/16/2020	182	2:1	881,910	236.5%	3.0 triệu	43.26%	3,000	1,120	9.80%	423	2.65
CVHM2003	HSC	10/29/2020	134	10:1	190,620	-27.4%	5.0 triệu	36.64%	1,000	1,410	6.82%	1,085	1.30
CVHM2002	SSI	11/30/2020	166	1:1	13,100	-35.0%	1.5 triệu	36.64%	11,500	10,930	6.63%	7,938	1.38
CMSN2001	KIS	12/16/2020	182	5:1	99,780	934.0%	2.0 triệu	34.17%	2,300	1,430	2.14%	579	2.47
CVRE2004	KIS	7/16/2020	29	1:1	118,890	74.2%	1.0 triệu	43.26%	1,940	1,010	1.00%	528	1.91
CFPT2003	SSI	11/9/2020	145	1:1	24,280	31.0%	2.0 triệu	32.44%	7,300	9,490	-0.21%	7,275	1.30
CMSN2004	MBS	9/4/2020	79	5:1	86,180	-2.4%	1.5 triệu	34.17%	1,980	1,450	-2.03%	992	1.46
CHPG2007	KIS	7/16/2020	29	1:1	81,700	2360.8%	2.5 triệu	36.36%	1,660	3,750	-2.09%	3,309	1.13
CFPT2004	SSI	8/10/2020	54	1:1	33,470	70.5%	2.0 triệu	32.44%	5,100	6,710	-2.47%	5,259	1.28
CVPB2005	MBS	8/18/2020	62	2:1	111,390	-7.0%	2.0 triệu	43.88%	1,510	1,900	-2.56%	1,729	1.10
CMWG2007	SSI	11/30/2020	166	1:1	13,990	-20.5%	2.0 triệu	39.72%	12,900	10,920	-2.67%	8,187	1.33
CVNM2004	SSI	11/30/2020	166	1:1	14,460	-12.4%	2.0 triệu	31.34%	17,500	16,320	-2.68%	9,949	1.64
CHPG2005	VND	10/1/2020	106	1:1	80,400	537.6%	2.0 triệu	36.36%	2,100	7,010	-3.44%	7,441	0.94
CVNM2003	MBS	9/4/2020	79	10:1	235,480	12.8%	3.0 triệu	31.34%	1,450	2,560	-3.76%	2,330	1.10
CHPG2002	KIS	12/16/2020	182	2:1	81,250	66.0%	3.0 triệu	36.36%	1,700	1,520	-5.00%	755	2.01
CSTB2001	KIS	6/19/2020	2	1:1	447,380	271.3%	5.0 triệu	40.48%	1,500	750	-5.06%	609	1.23
CMBB2003	SSI	11/9/2020	145	1:1	92,110	98.1%	3.0 triệu	34.36%	2,000	1,940	-5.37%	1,358	1.43
CDPM2002	KIS	12/16/2020	182	1:1	64,940	9.7%	2.0 triệu	40.43%	1,700	2,210	-6.75%	1,278	1.73
CSTB2002	KIS	12/16/2020	182	1:1	207,590	275.0%	3.0 triệu	40.48%	1,700	2,190	-9.88%	1,314	1.67
CSTB2003	KIS	9/16/2020	91	1:1	327,920	-9.3%	3.0 triệu	40.48%	1,360	1,840	-11.96%	1,252	1.47
Tổng:					2,324,930		47.50 triệu	36.91%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

- Về giá, CVRE2006 và CVRE2005 tăng mạnh lần lượt là 12.68% và 11.88%. Trái lại, CFPT2002 và CSTB2003 giảm mạnh lần lượt là -16.30% và -11.96%. Giá trị giao dịch tăng 10.18%. CVRE2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.32% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, STB, VHM, VNM, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinh@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	109.80	1.95	0.72
VHM	76.00	1.47	0.56
VRE	27.50	2.80	0.42
VPB	22.35	0.68	0.34
EIB	18.10	1.12	0.27

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	115.6	-1.20	-1.04
VIC	91.9	-1.61	-0.94
TCB	20.3	-1.46	-0.90
STB	11.6	-2.52	-0.71
HDB	26.9	-1.65	-0.40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2003	43,999	37,999	27,500
CVHM2003	80,000	70,000	76,000
CVHM2002	88,500	77,000	76,000
CMSN2001	77,289	65,789	57,500
CVRE2004	4,939	2,999	27,500
CFPT2003	57,300	50,000	46,350
CMSN2004	64,900	55,000	57,500
CHPG2007	24,659	22,999	26,250
CFPT2004	55,100	50,000	46,350
CVPB2005	22,520	19,500	22,350
CMWG2007	99,900	87,000	83,800
CVNM2004	135,500	118,000	115,600
CHPG2005	21,100	19,000	26,250
CVNM2003	108,500	94,000	115,600
CHPG2002	33,399	29,999	26,250
CSTB2001	12,499	10,999	11,600
CMBB2003	20,000	18,000	17,300
CDPM2002	16,952	15,252	14,000
CSTB2002	13,588	11,888	11,600
CSTB2003	12,471	11,111	11,600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.8	-0.7%	1.2	1,650	2.8	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	58.3	-0.9%	1.3	571	0.8	5,248	11.1	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.0	-2.4%	1.3	1,549	1.0	1,307	36.7	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.6	-0.6%	0.4	297	0.0	2,092	14.6	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	91.9	-1.6%	0.8	13,515	1.5	2,095	43.9	3.8	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.5	2.8%	1.1	2,717	3.8	1,226	22.4	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	57.1	0.9%	0.8	2,407	3.3	3,584	15.9	2.4	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	30.7	-0.2%	0.8	413	0.2	4,976	6.2	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.0	-2.0%	1.4	271	1.6	2,289	5.2	0.9	40.4%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.0	-1.3%	1.3	392	1.9	1,415	10.6	0.8	50.3%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.2	-0.2%	1.0	159	0.6	4,240	5.2	0.9	28.4%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.8	0.0%	1.8	249	1.2	1,480	12.7	1.3	52.7%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.4	-0.5%	0.8	1,580	1.6	4,804	9.6	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	52.2	0.4%	0.4	565	0.0	4,812	10.8	2.8	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.9	-0.3%	1.5	6,066	1.0	5,820	12.5	2.7	3.4%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.8	3.3%	1.5	2,369	4.2	869	52.6	2.9	13.4%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	0.8%	1.6	258	1.5	1,238	10.0	0.5	11.8%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	0.0%	0.8	957	0.7	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.0	0.5%	0.5	523	0.1	5,046	18.2	3.4	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.0	-2.1%	0.4	238	1.1	1,006	13.9	0.7	11.4%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.6	0.7%	0.4	197	0.6	415	20.6	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	84.2	0.6%	1.2	13,578	2.7	4,848	17.4	3.7	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.3	-1.0%	1.4	7,047	1.4	2,140	18.8	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.0	-1.1%	1.2	3,723	2.5	2,510	9.2	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.4	0.7%	1.2	2,369	2.7	3,750	6.0	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	-0.6%	1.1	1,814	1.6	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.7	-0.4%	1.0	1,713	1.6	3,780	6.3	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	49.7	0.0%	0.9	177	0.4	5,303	9.4	1.6	80.6%	17.0%
NTP	Nhựa	37.6	1.3%	0.5	160	0.0	4,208	8.9	1.5	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.7	-4.8%	0.5	675	0.0	356	44.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	26.3	0.2%	1.1	3,151	8.0	2,764	9.5	1.5	35.8%	17.4%
HSG	Thép	11.5	5.0%	1.5	222	8.1	1,493	7.7	0.8	13.3%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.6	-1.2%	0.8	8,752	2.6	5,453	21.2	6.7	58.9%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	166.1	0.0%	0.8	4,631	0.3	6,719	24.7	6.2	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.5	-0.2%	1.0	2,922	2.9	3,961	14.5	1.6	39.2%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	-0.7%	0.8	378	1.4	171	86.7	1.2	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	62.8	-0.9%	0.8	5,944	0.3	3,450	18.2	3.7	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	109.8	1.9%	1.1	2,501	2.3	7,110	15.4	3.9	18.3%	26.3%
HVN	Vận tải	28.0	-0.2%	1.7	1,724	1.2	1,654	16.9	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.4	-0.8%	0.9	250	0.1	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.8	0.5%	1.1	132	0.3	2,117	5.1	0.7	25.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.5	0.5%	0.9	422	0.4	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	0.0%	0.8	371	0.1	1,453	13.1	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	-1.4%	1.0	226	0.1	1,938	7.0	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	62.7	-1.7%	1.1	208	0.3	8,032	7.8	0.6	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.0	0.4%	0.3	499	0.1	1,498	17.4	1.7	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.2	0.8%	0.3	199	0.8	1,775	10.8	0.9	39.8%	8.5%
POW	Điện	10.6	-1.4%	0.6	1,074	1.1	1,028	10.3	0.9	11.8%	9.4%
NT2	Điện	21.4	5.2%	0.5	267	0.4	2,543	8.4	1.4	17.9%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	76.00	1.47	1.05	2.17MLN
PLX	45.75	3.27	0.54	2.15MLN
VCB	84.20	0.60	0.53	737830.00
VRE	27.50	2.80	0.50	3.15MLN
VJC	109.80	1.95	0.33	479940.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.45	380880.00	1.11MLN
VNM	0.00	-0.70	513570.00	607060.00
BID	0.00	-0.46	817560.00	373600.00
GVR	0.00	-0.40	1.33MLN	192700.00
TCB	0.00	-0.30	1.42MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSH	35.95	6.99	0.03	288310.00
FTM	1.84	6.98	0.00	713970.00
PTB	52.20	6.97	0.05	565220.00
HAI	3.55	6.93	0.01	10.31MLN
DGW	30.25	6.89	0.02	682540.00

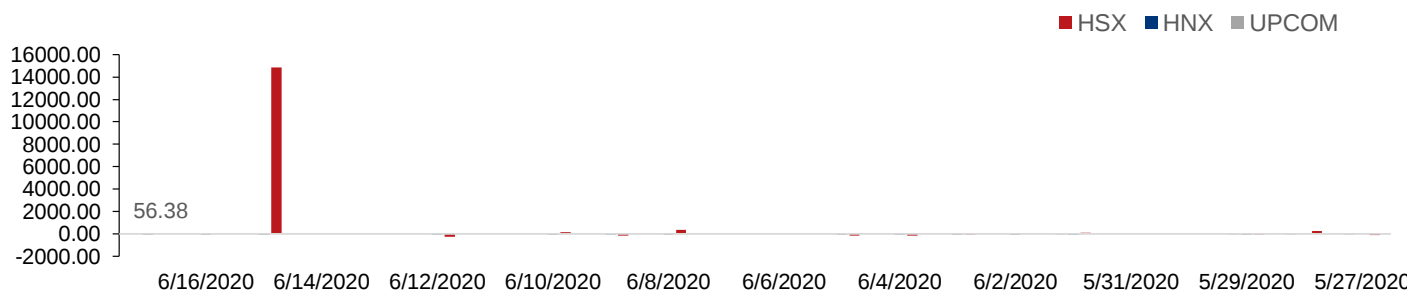
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHS	4.36	-13.83	-0.06	5.40MLN
SVI	65.10	-7.00	-0.02	2250.00
ITA	5.33	-6.98	-0.11	8.61MLN
UDC	3.62	-6.94	0.00	125500.00
HRC	39.60	-6.93	-0.03	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



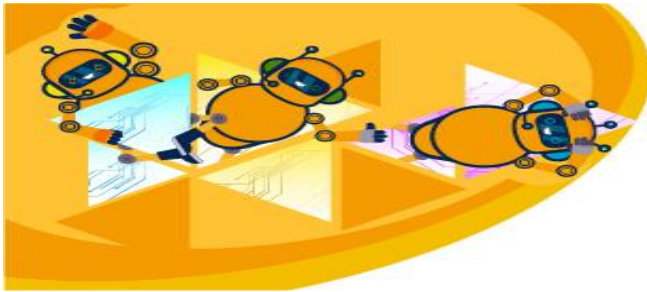
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.5	3,961	14.5	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.2	4,717	8.1	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.5	1,493	7.7	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.5	5,479	7.9	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.9	1,140	17.4	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	26.3	2,764	9.5	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.3	2,987	6.8	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	58.3	5,248	11.1	2.6	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.5	5,718	24.0	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.0	2,289	5.2	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.2	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.9	7,637	2.7	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.1	5,311	4.2	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	30.3	4,465	6.8	1.3	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	84.2	4,848	17.4	3.7	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.7	3,780	6.3	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.7	6,553	5.6	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	50.0	3,887	12.9	2.5	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.4	4,804	9.6	2.1	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.4	1,583	12.3	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (~19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: pháp phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn